

Bản án số: 439/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phú

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xử án củ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1162/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* là ông A, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố T, đường V, thành phố T, tỉnh B (có mặt);

2. *Bị đơn* là bà B, sinh năm 1983; địa chỉ: đường P, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2020, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ông và bà B kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 158, quyền số 01/2004 ngày 30/8/2004. Quá trình chung sống có hai người con tên: V, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2004 và N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2012.

Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên không có sự tôn trọng lẫn nhau, không cùng quan điểm sống và cách sống. Cho đến năm 2014, ông A đã rời gia đình sống ở nơi khác. Và trong suốt khoảng thời gian dài từ năm 2014 đến nay, tình cảm vợ chồng không

cải thiện. Sự thương yêu của ông đối với bà B không còn và nhận thấy vợ chồng không có khả năng hàn gắn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông đồng ý giao hai con cho bà B nuôi dưỡng. Hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi hai con là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà B trình bày:

Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do ông A có người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với bà. Tuy vậy, vì con nên bà cố gắng chịu đựng với hy vọng ông A sẽ quay về với gia đình. Năm 2019, ông A có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sau đó ông A đã rút đơn. Ông A đã không sống chung với bà từ 10 năm nay và bà cũng chấp nhận điều này, để cho ông A muốn làm gì thì làm. Nay, tại Tòa bà không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông A. Trường hợp, ông A mua cho bà và các con nhà, đất thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa chấp thuận cho ông A được ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi hai con. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia vụ án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án giữ ông A và bà B là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Hôn nhân giữ ông A và bà B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 158, quyển số 01/2004 ngày 30 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Phường 11 quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông A, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữ ông A và bà B đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, thể hiện qua việc ông A đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với bà B và đã được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ kiện.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, ông A rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã đình chỉ giải quyết vụ án. Mặt khác, trước khi ông A nộp đơn xin ly hôn thì ông và bà B đã không còn sống chung với nhau (từ năm 2014 đến nay). Về phía bà B cho rằng bà chấp nhận cuộc sống hiện tại, chấp nhận việc ông A không quay về gia đình. Trường hợp, ông A mua cho bà và các con nhà hoặc đất để bà sinh sống nuôi con, thì bà đồng ý ly hôn. Còn ông A, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã động viên hòa giải nhiều lần, nhưng ông A cương quyết xin ly hôn. Điều này cho thấy đôi bên không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình cảm thương yêu giữ đôi bên là không còn và vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

Về con chung: Ông A đồng ý giao hai con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản tự khai của hai trẻ, cũng thể hiện hai trẻ mong muốn sống bên cạnh mẹ. Do đó, để bảo đảm sự ổn định về tâm sinh lý, tinh thần, điều kiện nuôi dưỡng và quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao hai trẻ: V, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2004 và N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2012, cho bà B nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa, bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông A có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi hai con là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng, mỗi con là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của ông A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con với số tiền nêu trên cho đến khi hai trẻ đủ tuổi trưởng thành. Bắt đầu thực hiện vào ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà B có đơn yêu cầu thi hành án, ông A chưa thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Ông A và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (B trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Ông A được ly hôn với bà B;

2. *Về con*: Bà B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con tên: V, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2004 và N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2012.

Ông A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con số tiền là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng, mỗi trẻ là 3.000.000 (Ba triệu) đồng, cho đến khi hai trẻ đủ tuổi trưởng thành. Bắt đầu thực hiện vào ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà B có đơn yêu cầu thi hành án, ông A chưa thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0088076 ngày 28 tháng 7 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; ông A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông A phải nộp. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS Q. Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phụng

